

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH PHÚ THỌ
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ QUÝ IV NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ
Địa điểm: Đường Sông Thao, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ

Phú Thọ, tháng 12 năm 2025

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH PHÚ THỌ
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ QUÝ IV NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa điểm: Đường Sông Thao, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ

TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



GIÁM ĐỐC
Dặng Đàm Liên

Phú Thọ, tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC	1
1.1. Giới thiệu sơ lược phạm vi thực hiện nhiệm vụ	1
1.2. Tổng quan vị trí quan trắc.....	2
II. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QUAN TRẮC	3
2.1. Kết quả quan trắc, phân tích	4
2.2. Nhận xét và đánh giá	5
III. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC QA/QC.....	5
3.1. Kết quả QA/QC hiện trường.....	5
3.2. Kết quả QA/QC trong phòng thí nghiệm	7
IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	8
4.1. Kết luận.....	8
4.2. Kiến nghị.....	8

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Thông tin về các điểm quan trắc

Bảng 2. Tổng hợp kết quả quan trắc, phân tích không khí

Bảng 3. Tổng hợp kết quả quan trắc, phân tích nước thải

Bảng 4. Phương pháp bảo quản mẫu

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC

1.1. Giới thiệu sơ lược phạm vi thực hiện nhiệm vụ

Công tác quan trắc phân tích giám sát môi trường quý IV năm 2025 tại Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì được thực hiện định kỳ theo quy định của cơ quan quản lý môi trường đối với các dự án, cơ sở sản xuất kinh doanh. Mục đích là đo đạc, xác định các thông số môi trường thực tế, giám sát các hoạt động có liên quan đến môi trường trong quá trình hoạt động của Công ty. Căn cứ vào kết quả quan trắc và phân tích môi trường, công ty tiến hành điều chỉnh, bổ sung các biện pháp quản lý chất thải hay các biện pháp xử lý môi trường thích hợp, nhằm thường xuyên đảm bảo công tác bảo vệ môi trường và phát triển kinh doanh một cách bền vững.

Các điểm lấy mẫu, cũng như thời điểm tiến hành quan trắc đã bám sát theo chương trình giám sát theo yêu cầu và được duy trì thống nhất giữa các đợt giám sát môi trường, nhằm thu được số liệu có tính hệ thống làm cơ sở cho sự đánh giá chất lượng môi trường cũng như xem xét tác dụng của các biện pháp bảo vệ môi trường. Chương trình quan trắc giám sát môi trường thực sự là một chương trình mở, không ngừng chỉnh lý và hoàn thiện hơn nữa để cung cấp những dữ liệu khoa học cho việc đánh giá tuân thủ hệ thống xử lý bảo vệ môi trường của công ty.

Căn cứ thực hiện

Báo cáo quan trắc môi trường quý IV năm 2025 tại Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì thực hiện dựa trên các căn cứ pháp lý sau:

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020.

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên môi trường Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

Căn cứ các Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) và Quy chuẩn Việt Nam (QCVN) về môi trường hiện hành.

Căn cứ hợp đồng số: 44/2025/HĐ-QTMTPT, ngày 18/3/2025 giữa Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì với Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ Môi trường về việc quan trắc phân tích môi trường tại Công ty.

Chương trình giám sát môi trường tại Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì.

Phạm vi và nội dung nhiệm vụ

Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ Môi trường tỉnh Phú Thọ đã thực hiện các nhiệm vụ sau:

Thu thập số liệu, xác định vị trí, lập kế hoạch quan trắc, thực hiện quan trắc môi trường từng khu vực của công ty.

Giám sát chặt chẽ quá trình quan trắc, lấy và phân tích các thông số mẫu nước thải và không khí tại các vị trí đã cam kết và có tính chất đại diện cho khu vực Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì.

Thực hiện xử lý số liệu, tổng hợp kết quả quan trắc và lập báo cáo quan trắc, giám sát môi trường định kỳ quý IV năm 2025 theo đúng quy định.

Thời gian thực hiện

- Tổ chức quan trắc, lấy mẫu môi trường: Ngày 24/11/2025.
- Phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm: Từ ngày 24/11 ÷ 30/11/2025.
- Tổng hợp, lập báo cáo: Tháng 12/2025.

Đơn vị thực hiện nhiệm vụ

Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ: Số 430, đường Nguyễn Tất Thành, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Đơn vị đã được chứng nhận đủ điều kiện quan trắc VIMCERTS - 272.

1.2. Tổng quan vị trí quan trắc

Những điểm được chọn để thực hiện quan trắc môi trường là những điểm có tính chất đại diện về chất lượng môi trường cho khu vực theo các quy định trong báo cáo về Môi trường của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì. Sơ đồ vị trí quan trắc kèm theo tại phần phụ lục.

Bảng 1: Thông tin về các điểm quan trắc

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Thông số	Vị trí lấy mẫu	
				X	Y
I	Môi trường không khí				
1	Mẫu không khí khu vực lò hơi	K1	Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, bụi toàn phần, tiếng ồn (Leq, Lmax, Lmin); CO, SO ₂ , NO ₂	2356338	569268
2	Mẫu không khí khu vực dây truyền Xeo 1	K2		2356310	569164
3	Mẫu không khí khu vực cấp bột Xeo 1	K3		2356288	569151
4	Mẫu không khí khu vực dây truyền Xeo 2	K4		2356252	569122
5	Mẫu không khí khu vực cấp bột Xeo 2	K5		2356216	569112
6	Mẫu không khí khu vực xử lý nước thải	K6		2356158	569150
II	Môi trường nước				
7	Mẫu nước thải tại điểm xả nước thải ra sông Hồng, thuộc phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ	T1	BOD ₅ , Tổng N, Tổng P, Dầu mỡ khoáng, Coliform, độ màu	2356216	569308

II. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ Môi trường phối hợp với Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì tiến hành, khảo sát, lập kế hoạch quan trắc môi trường. Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ Môi trường tổ chức thực hiện quan trắc hiện trường các thành phần, thông số môi trường tại Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì. Các mẫu sau khi được lấy chuyển về phòng Phân tích Môi trường, Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ Môi trường thực hiện phân tích các thông số. Kết quả quan trắc môi trường được tổng hợp theo bảng, chi tiết thực hiện theo số phiếu kết quả phân tích (phần phụ lục).

2.1. Kết quả quan trắc, phân tích

Bảng 2. Tổng hợp kết quả quan trắc, phân tích không khí

TT	Thông số		Đơn vị	K1	K2	K3	GHCP
1	Nhiệt độ		$^{\circ}\text{C}$	23,6	23,8	23,7	$18 \div 32$
2	Độ ẩm		%	73,2	73,1	72,6	$40 \div 80$
3	Tốc độ gió		m/s	$< 0,6$	$< 0,6$	$< 0,6$	$0,2 \div 1,5$
4	Tiếng ồn	Leq	dBA	73,4	74,5	72,5	85
		Lmax		75,5	76,3	76,2	
		Lmin		71,3	72,1	71,1	
5	Bụi TSP		$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	1142	909	914	8000
6	CO		$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	< 9000	< 9000	< 9000	20000
7	SO ₂		$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	227,6	223,7	216,2	5000
8	NO ₂		$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	139,3	146,7	141	5000

TT	Thông số		Đơn vị	K4	K5	K6	GHCP
1	Nhiệt độ		$^{\circ}\text{C}$	24,1	24,4	24,3	$18 \div 32$
2	Độ ẩm		%	72,1	71,7	71,3	$40 \div 80$
3	Tốc độ gió		m/s	$< 0,6$	1,2	1	$0,2 \div 1,5$
4	Tiếng ồn	Leq	dBA	74,8	73,6	70,9	85
		Lmax		75,9	74,6	71,8	
		Lmin		73,4	72,2	70	
5	Bụi TSP		$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	839	814	559	8000
6	CO		$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	< 9000	< 9000	< 9000	20000
7	SO ₂		$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	224,7	222,9	213,4	5000
8	NO ₂		$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	132,4	125,3	118,2	5000

Bảng 3. Tổng hợp kết quả quan trắc, phân tích nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	T1	QCVN 12-MT: 2015/BTNMT	QCVN 40: 2011/BTNMT
1	Độ màu	Pt-Co	40,6	75	50
2	BOD ₅	mg/L	22,5	43,2	39,6
3	Tổng N	mg/L	< 3,9	-	6,6
4	Tổng P	mg/L	0,132	-	5,28
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	< 2,7	-	6,6
6	Coliform	MPN/100ml	2400	-	3000

2.2. Nhận xét và đánh giá

Tại thời điểm quan trắc, lấy mẫu Công ty có hoạt động sản xuất. Điều kiện thời tiết thuận lợi.

- *Chất lượng không khí*

So sánh với giới hạn cho phép của QCVN 02: 2019/BYT về Bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03: 2019/BYT về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; QCVN 24: 2016/BYT về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26: 2016/BYT về Vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc, cho thấy: Các thông số quan trắc, phân tích đều trong giới hạn cho phép.

- *Chất lượng nước*

So sánh với QCVN 40: 2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A với $K_f = 1,1$; $K_q = 1,2$); QCVN 12-MT: 2015/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy (cột A với $K_f = 1,2$; $K_q = 1,2$), cho thấy: Các thông số quan trắc, phân tích đều trong giới hạn cho phép.

III. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC QA/QC

3.1. Kết quả QA/QC hiện trường

- *QA/QC trong lập kế hoạch quan trắc:*

Thực hiện đầy đủ các quy định về thiết kế chương trình quan trắc môi trường.

Đảm bảo đáp ứng đúng mục đích sử dụng số liệu, thời gian, tần suất, thành phần và thông số quan trắc hợp lý, tối ưu.

Tuân thủ các quy định về chương trình, phương pháp cho từng thành phần và thông số môi trường cần quan trắc.

Chương trình quan trắc sau khi thiết kế đã được Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ Môi trường và Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì thống nhất. Lãnh đạo Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ Môi trường đã phê duyệt kế hoạch thực hiện.

- QA/QC trong công tác chuẩn bị:

Nêu tóm tắt công tác chuẩn bị, phân công cụ thể: về nhân lực, dụng cụ, thiết bị, hóa chất, phương pháp.

Lập danh mục các thông số quan trắc theo từng thành phần môi trường. Lựa chọn phương án quan trắc, xác định tần suất, thời gian, phương pháp quan trắc, phân tích.

Xác định quy trình lấy mẫu, chuẩn bị dụng cụ, loại chứa mẫu, hóa chất bảo quản, thời gian lưu mẫu, loại mẫu và số lượng mẫu kiểm soát chất lượng (QC).

Lập danh mục các thiết bị sử dụng hiện trường, phòng thí nghiệm, phương tiện đảm bảo an toàn lao động.

- QA/QC tại hiện trường:

Để đảm bảo QA/QC trong quan trắc hiện trường nhóm thực hiện hoạt động quan trắc tại hiện trường phải tiến hành các yêu cầu về việc bảo đảm chất lượng như sau:

Nhân sự: Có phân công 02 cán bộ thực hiện nhiệm vụ quan trắc hiện trường. Cán bộ được đào tạo, đúng chuyên môn đảm bảo thực hiện tốt công tác tại hiện trường.

Sử dụng trang thiết bị phù hợp để thực hiện quan trắc, phân tích chất lượng môi trường. Các thiết bị thực hiện quan trắc đều được kiểm định, hiệu chuẩn, bảo trì, bảo dưỡng.

Sử dụng các phương pháp quan trắc, phân tích, cách thức bảo quản, vận chuyển mẫu đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật và các quy định hiện hành. Xác định đầy đủ quá trình lấy mẫu, thể tích mẫu cần lấy, loại dụng cụ chứa mẫu, loại hóa chất bảo quản, thời gian lưu mẫu, loại mẫu và số lượng mẫu kiểm soát chất lượng.

Đảm bảo đầy đủ, đúng yêu cầu kỹ thuật của các phương tiện phục vụ hoạt động lấy mẫu, vận chuyển mẫu và các phương tiện bảo đảm an toàn lao động.

Các hóa chất, chất chuẩn được chuẩn bị đầy đủ, đúng chủng loại, số lượng và các yêu cầu kỹ thuật cần thiết.

- QA/QC trong đo thử tại hiện trường:

Xác định đúng vị trí cần lấy mẫu, bảo đảm đúng thời gian, tần suất, đúng các thành phần và thông số đã xác định. Bảo đảm trang thiết bị phù hợp, phương pháp đúng yêu cầu, dụng cụ lấy mẫu, chứa mẫu, bảo quản mẫu và hóa chất sử dụng phù hợp với từng thành phần và thông số quan trắc.

Báo cáo lấy mẫu được thực hiện và hoàn thành trong quá trình lấy mẫu.

Quá trình lấy mẫu, xử lý và bảo quản mẫu tại hiện trường có sử dụng các loại mẫu QC theo quy định.

- QA/QC trong bảo quản và vận chuyển mẫu:

Mẫu được bảo quản, vận chuyển về phòng thí nghiệm đảm bảo về thời gian, điều kiện nhiệt độ phù hợp. Vận chuyển mẫu được bảo toàn về số lượng và nguyên vẹn.

Việc giao và nhận mẫu được thực hiện tại phòng thí nghiệm, lập biên bản bàn giao. Các bên liên quan có ký tên xác nhận theo đúng quy trình kỹ thuật.

Quá trình vận chuyển mẫu về phòng thí nghiệm có sử dụng các loại mẫu QC theo quy định để tránh nhiễm bẩn và biến đổi mẫu.

3.2. Kết quả QA/QC trong phòng thí nghiệm

Mẫu sau khi lấy được tiến hành bảo quản theo từng thông số phân tích và thông thường sẽ được bảo quản lạnh $2^{\circ}\text{C} \div 5^{\circ}\text{C}$ trước khi phân tích và sau khi phân tích (lưu giữ mẫu). Chi tiết về các điều kiện bảo quản mẫu được mô tả theo bảng dưới đây:

Bảng 4. Phương pháp bảo quản mẫu

TT	Thông số cần quan trắc	Phương pháp bảo quản	Ghi chú
I	Môi trường không khí		
1	Bụi TSP	Bảo quản trong túi decan kín	
2	SO ₂	Đựng trong ống thủy tinh kín, bảo quản lạnh	
3	CO		
4	NO ₂		
II	Môi trường nước		
5	Tổng P, Tổng N, dầu mỡ khoáng,	Chai PE, Axit hóa về pH = 2 bởi axit H ₂ SO ₄ 1:1, bảo quản lạnh	
6	BOD ₅ , Độ màu	Chai PE 500ml, bảo quản lạnh	
7	Coliform	Chai thủy tinh, bảo quản lạnh	

Mẫu sau khi lấy được gom để phân tích theo mẻ (30 - 40 mẫu) nhưng không để quá thời gian bảo quản mẫu theo quy định và trừ những thông số cần phân tích ngay theo yêu cầu của phương pháp. Để kiểm soát chất lượng của từng thông số, mỗi mẻ mẫu sẽ phân tích kèm theo 1 mẫu trắng phương pháp (để kiểm soát, loại trừ khả năng nhiễm bẩn của hóa chất, dụng cụ, thiết bị), 1 mẫu QC và 1 mẫu lặp phòng thí nghiệm để đánh giá chất lượng của mẻ mẫu. Yêu cầu giá trị của mẫu trắng nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp, độ thu hồi của mẫu QC là $80\% \div 110\%$, nếu giá

trị mẫu QC nằm ngoài khoảng yêu cầu thì loại bỏ kết quả của mẻ mẫu và tiến hành phân tích lại. Với mẫu lập phòng thí nghiệm, yêu cầu độ lặp lại $RPD < 15\%$, nếu lớn hơn, cũng tiến hành phân tích lại.

Qua quá trình phân tích, kết quả thu được cho thấy các mẫu kiểm soát chất lượng đều nằm trong khoảng cho phép.

Ngoài ra, trang thiết bị phân tích luôn được định kỳ bảo dưỡng, kiểm tra, hiệu chuẩn đảm bảo tính liên kết chuẩn đo lường.

Kiểm soát chặt chẽ điều kiện, tiện nghi và môi trường trong quá trình thực hiện từ khi nhận mẫu đến khi trả mẫu theo đúng quy định của phòng.

Áp dụng quy trình quản lý mẫu thích hợp, có ký hiệu, mã hóa, nhận dạng, lưu chuyển, đưa hồ sơ, tài liệu và lưu mẫu theo đúng quy định.

Kiểm soát, xử lý số liệu bằng cách sử dụng phương pháp thống kê, tham gia so sánh liên phòng, thử nghiệm thành thạo hàng năm đảm bảo theo yêu cầu.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1. Kết luận

Qua các kết quả khảo sát hiện trạng thực tế và đo đạc phân tích các thông số môi trường quý IV năm 2025 của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

- Môi trường không khí: Tại khu vực quan trắc chưa phát hiện thấy dấu hiệu ô nhiễm. Các thông số quan trắc, phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép của các Quy chuẩn hiện hành.

- Nước thải: Các thông số quan trắc, phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 40: 2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A với $K_f = 1,1$; $K_q = 1,2$); QCVN 12-MT: 2015/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy (cột A với $K_f = 1,2$; $K_q = 1,2$).

4.2. Kiến nghị

Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì cần duy trì chế độ quan trắc môi trường định kỳ hàng năm theo quy định.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH PHÚ THỌ
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

PHỤ LỤC
PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

*(Kèm theo Báo cáo kết quả quan trắc môi trường quý IV năm 2025 của
Công ty Cổ Phần Giấy Việt Trì, Đường Sông Thao, phường Thanh Miếu,
tỉnh Phú Thọ)*

Phú Thọ, tháng 12 năm 2025



PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì
Địa chỉ : Đường Sông Thao, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ
Địa điểm quan trắc : Đường Sông Thao, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ
Tên mẫu : K1 - Mẫu không khí khu vực lò hơi
K2 - Mẫu không khí khu vực dây truyền xeo 1
Vị trí lấy mẫu : Khu vực sản xuất Ký hiệu mẫu: K1; K2
Tọa độ lấy mẫu : K1 (X: 2356338 ; Y: 569268); K2 (X: 2356310; Y: 569164)
Cán bộ lấy mẫu : Trần Hồng Sơn
Ngày quan trắc: 24/11/2025 Ngày phân tích: 24/11 ÷ 30/11/2025
Kết quả phân tích

TT	Thông số	Đơn vị	K1	K2	GHCP	Phương pháp
1	Nhiệt độ	°C	23,6	23,8	18 ÷ 32	QCVN 46:2022/ BTNMT
2	Độ ẩm	%	73,2	73,1	40 ÷ 80	
3	Tốc độ gió	m/s	< 0,6	< 0,6	0,2 ÷ 1,5	
4	Tiếng ồn	Leq	73,4	74,5	85	TCVN 7878-2: 2018
		Lmax	75,5	76,3		
		Lmin	71,3	72,1		
5	Bụi TSP	µg/Nm ³	1142	909	8000	TCVN 5067: 1995
6	CO	µg/Nm ³	< 9000	< 9000	20000	HBCEM/L-SOP-K.04
7	SO ₂	µg/Nm ³	227,6	223,7	5000	TCVN 5971: 1995
8	NO ₂	µg/Nm ³	139,3	146,7	5000	TCVN 6137: 2009

Ghi chú:

- GHCP (Giới hạn cho phép): QCVN 02: 2019/BYT về Bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03: 2019/BYT - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; QCVN 24: 2016/BYT về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26: 2016/BYT về Vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

Phú Thọ, ngày 25 tháng 12 năm 2025

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG QT&CNMT

Nguyễn Thị Hằng

TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG PTMT

Tạ Hồng Yến



Đặng Đàm Liên





PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì
Địa chỉ : Đường Sông Thao, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ
Địa điểm quan trắc : Đường Sông Thao, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ
Tên mẫu : K5- Mẫu không khí khu vực cấp bột xeo 2
K6 - Mẫu không khí khu vực xử lý nước thải
Vị trí lấy mẫu : Khu vực sản xuất Ký hiệu mẫu: K5; K6
Tọa độ lấy mẫu : K5(X: 2356216 ; Y: 569112); K6 (X: 2356158; Y: 569150)
Cán bộ lấy mẫu : Trần Hồng Sơn
Ngày quan trắc: 24/11/2025 Ngày phân tích: 24/11 ÷ 30/11/2025
Kết quả phân tích

TT	Thông số		Đơn vị	K5	K6	GHCP	Phương pháp
1	Nhiệt độ		°C	24,4	24,3	18 ÷ 32	QCVN 46:2022/ BTNMT
2	Độ ẩm		%	71,7	71,3	40 ÷ 80	
3	Tốc độ gió		m/s	1,2	1	0,2 ÷ 1,5	
4	Tiếng ồn	Leq	dBA	73,6	70,9	85	TCVN 7878-2: 2018
		Lmax		74,6	71,8		
		Lmin		72,2	70		
5	Bụi TSP		µg/Nm ³	814	559	8000	TCVN 5067: 1995
6	CO		µg/Nm ³	< 9000	< 9000	20000	HBCEM/L-SOP-K.04
7	SO ₂		µg/Nm ³	222,9	213,4	5000	TCVN 5971: 1995
8	NO ₂		µg/Nm ³	125,3	118,2	5000	TCVN 6137: 2009

Ghi chú:

- GHCP (Giới hạn cho phép): QCVN 02: 2019/BYT về Bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03: 2019/BYT - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; QCVN 24: 2016/BYT về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26: 2016/BYT về Vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

Phú Thọ, ngày 25 tháng 12 năm 2025

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG QT&CNMT

Nguyễn Thị Hằng

TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG PTMT

Tạ Hồng Yến

GIÁM ĐỐC



Đặng Đàm Liên



PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì
Địa chỉ : Đường Sông Thao, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ
Địa điểm quan trắc : Đường Sông Thao, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ
Tên mẫu : Mẫu nước thải tại điểm xả nước thải ra sông Hồng, thuộc phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ
Vị trí lấy mẫu : Sau hệ thống xử lý
Tọa độ lấy mẫu : X: 2356216 ; Y: 569308
Cán bộ lấy mẫu : Trần Hồng Sơn
Ngày quan trắc: 24/11/2025
Ký hiệu mẫu: T1
Ngày phân tích: 24/11 ÷ 30/11/2025

Kết quả phân tích

TT	Thông số	Đơn vị	T1	QCVN 12-MT: 2015/BTNMT	QCVN 40: 2011/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Độ màu	Pt-Co	40,6	75	50	TCVN 6185 :2015 (Phương pháp C)
2	BOD ₅	mg/L	22,5	43,2	39,6	SMEWW 5210B: 2023
3	Tổng N	mg/L	< 3,9	-	26,4	TCVN 6638: 2000
4	Tổng P	mg/L	0,132	-	5,28	SMEWW 4500-P,B&E: 2023
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	< 2,7	-	6,6	SMEWW 5520B & F: 2023
6	Coliform	MPN/ 100ml	2400	-	3000	SMEWW 9221B: 2023

Ghi chú:

- QCVN 40: 2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A với $K_f = 1,1$; $K_q = 1,2$)
- QCVN 12-MT: 2015/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy (cột A với $K_f = 1,2$; $K_q = 1,2$)

Phú Thọ, ngày 25 tháng 12 năm 2025

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG QT&CNMT

Nguyễn Thị Hằng

TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG PTMT

Tạ Hồng Yên

GIÁM ĐỐC

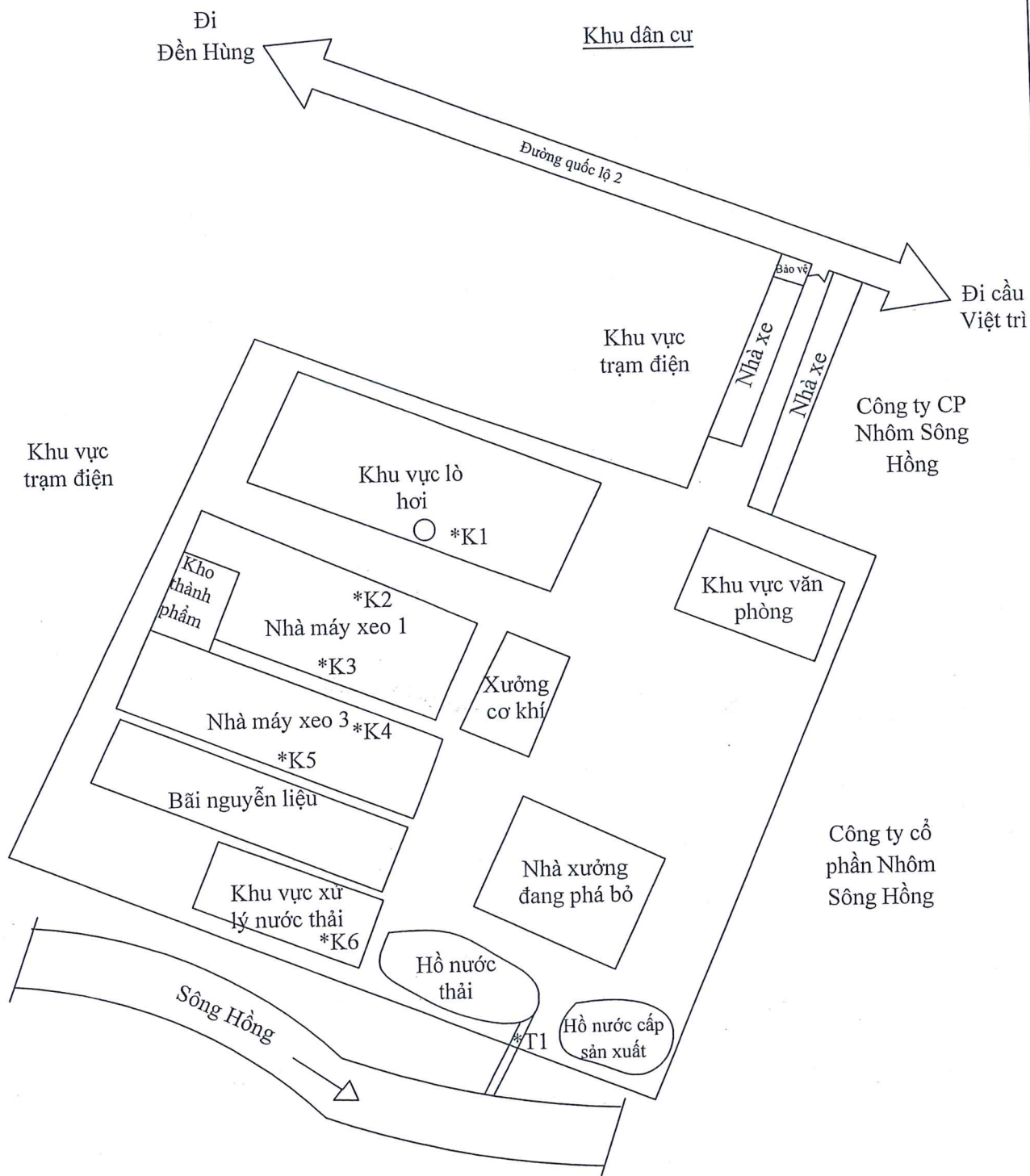


Đặng Đàm Liên

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa điểm: Phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ.

Thời gian quan trắc: Ngày 24/11/2025.



Ghi chú:

*K1 ÷ *K6: Vị trí quan trắc không khí công ty.

*T1: Vị trí quan trắc nước thải.